

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LK
TỈNH ĐN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:
14/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 14 - 4 - 2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LK, TỈNH ĐN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phương
2. Bà Lê Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trục, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LK.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LK tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh ĐN tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2022/LTST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ông Tạ Quang V, sinh năm 1963; nơi thường trú: Số 14, đường 14, tổ 14, ấp Tân Phong, xã HG , thành phố LK, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; nơi thường trú: Số 14, đường 14, tổ 14, ấp Tân Phong, xã HG , thành phố LK, tỉnh ĐN.

(Ông V, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2022 lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn ông Tạ Quang V trình bày:

Ông Tạ Quang V và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp. Vợ chồng thiếu sự tin tưởng, thường xuyên xúc phạm gây gổ và

không tôn trọng nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) người con là Tạ Đ, sinh ngày 14/10/1993 và Tạ Duy T, sinh ngày 19/10/2003. Hiện nay các con ông bà đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn bản tự khai đề ngày 17/3/2022 lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa bà và ông V như ông V đã trình bày. Ông bà chung sống từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không có hạnh phúc nguyên nhân do ông V thường xuyên bỏ nhà đi, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Nay ông V có yêu cầu xin ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung như ông V đã trình bày. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản ghi lời khai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Tuy nhiên, do ông V và bà D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do vậy, căn cứ Điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc Hội nên không công nhận ông V và bà D là vợ chồng; về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét; về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không xem xét; về nợ chung: Ông bà khai không có nên không xem xét;

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Tạ Quang V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị D. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị D có nơi cư trú tại Số 14, đường 14, tổ 14, ấp Tân Phong, xã HG, thành phố LK, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân thành phố LK theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Quang V và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông V xin ly hôn, bà D đồng ý nên nguyện vọng chấm dứt quan hệ hôn nhân của ông bà là có cơ sở. Tuy nhiên, do ông bà không đăng ký kết hôn nên căn cứ Điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc Hội nên không công nhận ông V và bà D là vợ chồng

[3] Về con chung: Ông bà có 02 (hai) người con là Tạ Đ, sinh ngày 14/10/1993 và Tạ Duy T, sinh ngày 19/10/2003. Hiện nay các anh Đ, T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[4] Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[5] **Nợ chung: Không có.**

[6] Về án phí: Ông V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó ông V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; các điều 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 11, Điều 92, Điều 94- Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận ông Tạ Quang V và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Tạ Quang V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông V đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 00054 ngày 09/11/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố LK, tỉnh ĐN. Ông V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông V, bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TP. LK;
- THADS TP. LK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Trang

